

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 7796 : 2009

Xuất bản lần 1

TIÊU CHUẨN BÃI CẨM TRẠI DU LỊCH

Standards of Tourist Camping Site

HÀ NỘI - 2009

Lời nói đầu

TCVN 7796: 2009 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC 228 "*Du lịch và các dịch vụ có liên quan*" biên soạn trên cơ sở dự thảo đề nghị của Tổng cục Du lịch - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Tiêu chuẩn bãi cắm trại du lịch

Standards of Tourist Camping Site

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này qui định các yêu cầu cho bãi cắm trại du lịch, không áp dụng cho các loại cơ sở lưu trú du lịch khác.

Tiêu chuẩn này có thể được áp dụng khi thiết kế xây dựng mới, cải tạo bãi cắm trại du lịch.

2 Thuật ngữ

Tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ sau:

2.1

Bãi cắm trại du lịch (tourist camping site)

Khu vực được quy hoạch ở nơi có cảnh quan thiên nhiên đẹp, có kết cấu hạ tầng, có cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và dịch vụ cần thiết phục vụ khách cắm trại.

2.2

Đơn vị trại (camping unit)

Một khoảnh đất dựng lều cho 2 người hoặc cho một phòng ngủ di động (caravan) bốn người hoặc một phòng ngủ trong nhà xây cố định tại bãi cắm trại.

3 Yêu cầu

Yêu cầu tối thiểu đối với bãi cắm trại đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch quy định như sau:

3.1 Vị trí, tổ chức không gian, diện tích

3.1.1 Vị trí

- Ở nơi có cảnh quan thiên nhiên đẹp.
- Giao thông thuận tiện.
- Môi trường sạch, an toàn.

TCVN 7796: 2009

- Không nằm trong khu vực có thể xảy ra lở đất, lũ quét, úng ngập hoặc trên các dòng chảy.
- Cách bờ biển 100 m và không vi phạm hành lang an toàn.
- Cách đường cao tốc, đường quốc lộ, đường sắt 50 m.

3.1.2 Tổ chức không gian, các phân khu chức năng

- Diện tích bãi cắm trại du lịch: 1 ha
- Bãi cắm trại du lịch gồm ba phân khu chức năng chính, bố trí hợp lý, thuận tiện:
 - a) Khu vực phục vụ lưu trú, cắm trại chiếm không quá 25% diện tích bãi cắm trại, gồm:
 - + Khu lưu trú: khu dựng lều du lịch, khu phòng ngủ di động (caravan) và có thể có khu nhà xây cố định (có các phòng ngủ);
 - + Khu vệ sinh công cộng;
 - + Đường giao thông nội bộ.
 - b) Khu dịch vụ, vui chơi giải trí, thể thao ngoài trời chiếm không quá 15% diện tích bãi cắm trại.
 - c) Sân, vườn cây xanh chiếm không dưới 60% diện tích bãi cắm trại.
- Bãi cắm trại có ranh giới bằng hàng rào tự nhiên hoặc nhân tạo với khu vực bên ngoài.
- Cổng ra vào bố trí thuận tiện, có ba-ri-e tại lối ra vào cho xe cơ giới.
- Trong bãi cắm trại, các công trình được xây dựng cách hàng rào của bãi cắm trại 5 m.
- Số lượng phòng ngủ trong nhà xây cố định không quá 20% tổng số đơn vị trại.
- Khoảng cách giữa các nhà xây cố định 3 m.
- Lối ra vào các đơn vị trại phải thông với đường giao thông chính của bãi cắm trại.
- Đường giao thông nội bộ đến được các khu chức năng; chiều rộng đường hai chiều cho xe cơ giới rộng 5 m, đường đi bộ hai bên rộng 1 m.
- Có nơi để xe đảm bảo cho 100% khách.
- Có nhà hàng, quầy bar, bếp.
- Khu giặt là.
- Phòng làm việc cho nhân viên.
- Phòng tắm, phòng vệ sinh cho nhân viên.
- Khu vệ sinh công cộng, gồm:
 - + Khu phòng tắm, phòng vệ sinh cho nam và nữ riêng cách khu lưu trú không quá 100m.
 - + Một phòng tắm nam và một phòng tắm nữ cho 20 đơn vị trại.
 - + Một phòng vệ sinh nam, một phòng vệ sinh nữ cho 20 đơn vị trại.
 - + Một chậu rửa mặt có gương soi và vòi nước cho 5 đơn vị trại.
 - + Một phòng vệ sinh, một chậu rửa mặt phục vụ người khuyết tật và một phòng vệ sinh, một chậu rửa mặt phục vụ trẻ em cho 100 đơn vị trại.

3.1.3 Diện tích 1 đơn vị trại

- Lều du lịch cho hai người: 25 m².
- Phòng ngủ di động cho 4 người: 60 m².
- Phòng ngủ trong nhà xây cố định (nếu có): phòng một giường đơn 8 m², phòng một giường đôi 10m², tăng 4 m² khi thêm một giường.

3.2 Trang thiết bị, tiện nghi

3.2.1 Yêu cầu chung

- Bảng tên, biển hạng đặt ở chỗ dễ thấy, được chiếu sáng vào ban đêm.
- Sơ đồ, biển báo, biển chỉ dẫn các khu vực dịch vụ, đường giao thông nội bộ.
- Cung cấp đủ nước sạch và nước cho chữa cháy 24/24 h.
- Dự trữ nước sạch tối thiểu cho ba ngày.
- Hệ thống thoát nước thải, nước mưa đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Cung cấp điện 24/24 h.
- Đèn và biển báo thoát hiểm ở các khu vực dịch vụ.
- Chiếu sáng ở các khu công cộng, đường giao thông nội bộ.
- Ổ cắm điện, dây điện và đèn điện cho các đơn vị trại.
- Máy phát điện.
- Phương tiện thông tin liên lạc: điện thoại, fax.

3.2.2 Sảnh, lễ tân

- Khu vực đón tiếp bài trí hợp lý, hài hoà.
- Quầy lễ tân, sổ sách, máy vi tính.
- Bàn ghế tiếp khách.
- Đèn điện, quạt điện.
- Thiết bị thông gió.
- Bảng thông tin.
- Điện thoại.
- Két an toàn hoặc tủ nhiều ngăn cho khách sử dụng, mỗi ngăn một chìa khóa riêng.
- Phòng vệ sinh cho nam và nữ riêng gồm: bàn cầu, chậu rửa mặt có gương soi, vòi nước, xà phòng, giấy vệ sinh, thùng rác có nắp.

3.2.3 Khu vực lều

- Dụng cụ và trang thiết bị để dựng lều trại.
- Đệm và chăn có ga bọc hoặc chiếu, gối có vỏ bọc.
- Đèn điện, quạt điện, ổ cắm điện chống được nước mưa.
- Đèn ắc quy hoặc đèn lưu điện.
- Thùng rác có nắp.
- Vật dụng cho một khách gồm: khăn mặt, khăn tắm, xà phòng, dầu gội đầu, bàn chải đánh răng, kem đánh răng.

TCVN 7796: 2009

3.2.4 Khu phòng ngủ di động (caravan)

- Bình nước lọc, cốc thủy tinh, móc treo quần áo.
- Ổ cắm điện chống được nước mưa.
- Vòi nước.
- Thùng rác có nắp.
- Vật dụng cho một khách gồm: khăn mặt, khăn tắm, xà phòng, dầu gội đầu, bàn chải đánh răng, kem đánh răng.

3.2.5 Phòng ngủ trong nhà xây cố định

- Giường đơn 0,9 m x 2 m; giường đôi 1,5 m x 2 m.
- Gối có vỏ bọc, chăn, đệm có ga bọc.
- Móc treo quần áo.
- Bình nước lọc, cốc thủy tinh, dép đi trong phòng.
- Hướng dẫn thoát hiểm.
- Vật dụng cho một khách gồm khăn mặt, khăn tắm, xà phòng, dầu gội đầu, bàn chải đánh răng, kem đánh răng.

3.2.6 Khu phòng tắm, phòng vệ sinh công cộng

- Khu phòng tắm cho nam và nữ riêng, mỗi phòng có:
 - + Vòi nước, bình đun nước nóng;
 - + Chậu rửa mặt có gương soi;
 - + Giá để khăn các loại;
 - + Móc treo quần áo;
 - + Ổ cắm điện.
- Khu vệ sinh cho nam và nữ riêng, mỗi phòng có:
 - + Bàn cầu;
 - + Vòi nước;
 - + Móc treo;
 - + Giấy vệ sinh;
 - + Thùng rác có nắp.

3.2.7 Phòng ăn, quầy bar, bếp

a) Phòng ăn, quầy bar

- Bàn ghế.
- Dụng cụ ăn uống và dụng cụ phục vụ ăn uống đồng bộ, chất lượng tốt.

b) Bếp

- Bàn sơ chế, bếp nấu và dụng cụ chế biến món ăn.
- Chậu rửa dụng cụ chế biến và phục vụ ăn uống.
- Tủ lạnh bảo quản thực phẩm.
- Giá để dụng cụ ăn uống.
- Mặt bàn sơ chế, chế biến và soạn chia thức ăn làm bằng vật liệu không thấm nước.

- Thùng đựng rác có nắp.
- Thiết bị thông gió, hút mùi.
- Tường lát gạch men cao 2 m, sàn lát gạch chống trơn.
- Dụng cụ, chất tẩy rửa làm vệ sinh.
- Trang thiết bị chắn lọc rác, mỡ.
- Có trang thiết bị bảo vệ chống xâm hại của côn trùng và động vật gây hại.

3.2.8 Trang thiết bị khác

- Máy giặt, bàn là và cầu là.
- Dụng cụ và trang thiết bị thể thao.
- Tủ thuốc có một số loại thuốc sơ cứu còn hạn sử dụng.

3.3 Dịch vụ và mức độ phục vụ

3.3.1 Đón tiếp khách

- Lễ tân, bảo vệ trực 24/24 h.
- Cho thuê trang thiết bị dụng cụ từ 6 h đến 20 h.

3.3.2 Phục vụ lưu trú

- Vệ sinh hàng ngày.
- Thay ga bọc đệm và chăn, vỏ gối ba ngày một lần hoặc khi có khách mới.

3.3.3 Phục vụ ăn uống

- Phục vụ ăn uống từ 6 h đến 22 h.
- Phục vụ món ăn, đồ uống dễ chế biến.

3.3.4 Thể thao, giải trí

- Có hoạt động và cho thuê dụng cụ thể thao, giải trí.

3.3.5 Dịch vụ khác

- Trông giữ xe.
- Nhận giữ tiền và đồ vật quý của khách.
- Điện thoại, fax, khuyến khích có dịch vụ internet.
- Dịch vụ cứu hộ đối với bãi cắm trại có dịch vụ thể thao nước.
- Bán hàng tạp phẩm và hàng lưu niệm.

3.4 Người quản lý và nhân viên phục vụ

3.4.1 Trình độ nghiệp vụ, ngoại ngữ, vi tính

- Đối với người quản lý:
 - + Phải qua lớp tập huấn về quản lý lưu trú du lịch, an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm (trừ trường hợp có văn bằng, chứng chỉ của cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp);
 - + Một năm kinh nghiệm trong ngành du lịch.

TCVN 7796: 2009

- Đối với nhân viên phục vụ:
- + 100% nhân viên trực tiếp phục vụ khách được tập huấn nghiệp vụ;
- + Trưởng bộ phận lễ tân giao tiếp tốt một ngoại ngữ;
- + Trưởng các bộ phận dịch vụ giao tiếp cơ bản một ngoại ngữ trong phạm vi nghề;

3.4.2 Sức khỏe

- Có sức khỏe phù hợp với yêu cầu công việc, được kiểm tra sức khỏe định kỳ một năm một lần (có giấy chứng nhận của y tế).

3.4.3 Trang phục

- Mặc trang phục đúng quy định, đeo phù hiệu tên trên áo.

3.4.4 Chất lượng phục vụ

- Đúng quy trình kỹ thuật nghiệp vụ.
- Thái độ thân thiện.

3.5 Bảo vệ môi trường, an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh an toàn thực phẩm

- Thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường, an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ quan có thẩm quyền.

4 Phương pháp đánh giá (xem Phụ lục A)

4.1 Nguyên tắc đánh giá

- Các tiêu chí qui định đối với bãi cắm trại đều phải được chấm điểm như sau:
 - + Chấm điểm 0 đối với tiêu chí không có hoặc không đạt yêu cầu;
 - + Chấm điểm 1 đối với tiêu chí đạt yêu cầu.

4.2 Tổng điểm tối thiểu

- Cơ sở lưu trú đạt tiêu chuẩn bãi cắm trại du lịch khi 95% các tiêu chí trong tổng số các tiêu chí yêu cầu đạt 1 điểm, tức là đạt 120 điểm.

Phụ lục A

(qui định)

Phương pháp đánh giá bãi cắm trại du lịch

Tiêu chí	Đánh giá, chấm điểm	
	Điểm 0	Điểm 1
1 Vị trí, diện tích và tổ chức không gian		
1.1 Vị trí		
- Ở nơi có cảnh quan thiên nhiên đẹp.		
- Giao thông thuận tiện.		
- Môi trường sạch.		
- Môi trường an toàn: + Không ở khu vực có thể xảy ra lở đất, lũ quét, úng ngập hoặc các dòng chảy tự nhiên; + Cách bờ biển 100 m; + Cách đường cao tốc, đường quốc lộ, đường sắt 50 m.		
1.2 Tổ chức không gian, các phân khu chức năng		
- Diện tích bãi cắm trại tối thiểu 1 ha.		
- Khu vực dành cho các dịch vụ, hoạt động giải trí, thể thao ngoài trời, không quá 15% diện tích bãi cắm trại.		
- Diện tích cây xanh không dưới 60% diện tích bãi cắm trại.		
- Có ranh giới bằng hàng rào tự nhiên hoặc nhân tạo với khu vực bên ngoài.		
- Cổng ra vào bố trí thuận tiện, có ba-ri-e chắn tại lối vào cho xe cơ giới.		
- Các phân khu chức năng của bãi cắm trại được bố trí hợp lý, thuận tiện.		
- Lối vào các đơn vị trại phải thông với đường giao thông chính của bãi cắm trại.		
- Các công trình xây dựng cách hàng rào của bãi cắm trại 5 m.		
- Có nhà hàng, bar, bếp.		
- Khu giặt là.		
- Nơi để xe cho 100% khách.		
- Phòng làm việc cho nhân viên.		
- Phòng tắm, vệ sinh cho nhân viên.		

Tiêu chí	Đánh giá, chấm điểm	
	Điểm 0	Điểm 1
- Diện tích một đơn vị trại (chấm điểm đối với từng chỉ tiêu tương ứng). + Lều du lịch cho hai người 25 m ² ; + Phòng ngủ di động cho bốn người 60 m ² ; + Phòng ngủ trong nhà xây cố định: phòng một giường đơn 8 m ² , một giường đôi 10 m ² , tăng 4 m ² khi thêm một giường.		
- Khoảng cách giữa các nhà xây cố định 3 m.		
- Số lượng phòng ngủ trong nhà xây cố định không quá 20% tổng số đơn vị trại.		
- Đường giao thông nội bộ đến được tất cả các phân khu chức năng: chiều rộng đường hai chiều cho xe cơ giới rộng 5 m, đường đi bộ hai bên rộng 1 m.		
1.3 Khu vệ sinh công cộng		
- Khu phòng tắm, phòng vệ sinh công cộng cho nam và nữ riêng cách khu lưu trú không quá 100 m.		
- Một phòng tắm nam, một phòng tắm nữ cho 20 đơn vị trại.		
- Một phòng vệ sinh nam, một phòng vệ sinh nữ cho 20 đơn vị trại.		
- Một chậu rửa mặt có gương soi và vòi nước cho 5 đơn vị trại.		
- Khoảng 100 đơn vị trại có một phòng vệ sinh, chậu rửa cho người khuyết tật và một phòng vệ sinh và chậu rửa cho trẻ em.		
2 Trang thiết bị, tiện nghi		
2.1 Yêu cầu chung		
- Bảng tên, biển hạng đặt ở vị trí dễ thấy và chiếu sáng ban đêm.		
- Có sơ đồ, biển chỉ dẫn các khu vực, dịch vụ, đường giao thông nội bộ.		
- Cung cấp đầy đủ nước sạch, nước cho chữa cháy 24/24 h.		
- Dự trữ nước sạch tối thiểu ba ngày.		
- Hệ thống thoát nước thải, nước mưa đảm bảo vệ sinh môi trường.		
- Cung cấp điện 24/24 h.		
- Đèn hướng dẫn và biển báo thoát hiểm ở các khu vực dịch vụ.		
- Đèn chiếu sáng ở các khu vực công cộng, dịch vụ, và đường đi.		
- Có máy phát điện.		
- Phương tiện thông tin liên lạc: điện thoại, fax.		

Tiêu chí	Đánh giá, chấm điểm	
	Điểm 0	Điểm 1
2.2 Sảnh, lễ tân		
- Khu vực đón tiếp bài trí hợp lý, hài hoà.		
- Quầy lễ tân, sổ theo dõi khách, máy vi tính.		
- Bàn ghế tiếp khách.		
- Đèn điện.		
- Quạt điện.		
- Thiết bị thông gió.		
- Bảng thông tin.		
- Điện thoại.		
- Két an toàn hoặc tủ nhiều ngăn cho khách sử dụng (mỗi ngăn có chìa khoá riêng).		
- Phòng vệ sinh cho nam và nữ riêng gồm: Bàn cầu, chậu rửa mặt có gương soi, vòi nước, xà phòng, giấy vệ sinh, thùng rác có nắp.		
2.3 Khu vực lều trại		
- Dụng cụ, trang thiết bị để dựng lều trại.		
- Đệm có ga bọc hoặc chiếu; chăn, gối có vỏ bọc.		
- Đèn điện.		
- Quạt điện.		
- Ổ cắm điện, dây điện đảm bảo chống được nước mưa.		
- Đèn ắc quy hoặc đèn lưu điện.		
- Thùng rác có nắp.		
- Vật dụng cho mỗi khách gồm: khăn mặt, khăn tắm, xà phòng, dầu gội đầu, bàn chải, kem đánh răng.		
2.4 Khu phòng ngủ di động (caravan)		
- Bình nước lọc, cốc uống nước, mắc treo quần áo.		
- Ổ cắm điện đảm bảo chống được nước.		
- Vòi nước.		
- Thùng rác có nắp.		
- Vật dụng cho mỗi khách gồm: khăn mặt, khăn tắm, xà phòng, dầu gội đầu, bàn chải, kem đánh răng.		
2.5 Phòng ngủ trong nhà xây cố định		
- Giường đơn 0,9 m X 2 m.		
- Giường đôi 1,5 m X 2 m.		
- Gối có vỏ bọc, chăn, đệm có ga bọc.		

Tiêu chí	Đánh giá, chấm điểm	
	Điểm 0	Điểm 1
- Mắc treo quần áo.		
- Bình nước lọc, cốc uống nước.		
- Hướng dẫn thoát hiểm.		
- Dép đi trong phòng.		
- Vật dụng cho mỗi khách gồm: khăn mặt, khăn tắm, xà phòng, dầu gội đầu, bàn chải, kem đánh răng.		
2.6 Phòng tắm công cộng		
- Vòi tắm.		
- Bình đun nước nóng.		
- Giá để khăn các loại.		
- Móc treo quần áo.		
- Ổ cắm điện an toàn.		
2.7 Phòng vệ sinh công cộng		
- Bàn cầu.		
- Vòi nước.		
- Móc treo.		
- Xà phòng.		
- Giấy vệ sinh.		
- Thùng rác có nắp.		
2.8 Phòng ăn, quầy bar, bếp		
- Bàn, ghế.		
- Dụng cụ phục vụ ăn uống.		
- Giá để dụng cụ chế biến và phục vụ ăn uống.		
- Bếp: bàn sơ chế, bếp nấu và dụng cụ chế biến món ăn.		
- Chậu rửa dụng cụ ăn uống.		
- Tủ lạnh bảo quản thực phẩm.		
- Mặt bàn sơ chế, chế biến và soạn chia thức ăn bằng vật liệu không thấm nước.		
- Thùng rác có nắp.		
- Thiết bị thông gió, hút mùi.		
- Tường lát gạch men cao 2 m.		
- Sàn lát bằng vật liệu chống trơn.		
- Trang thiết bị bảo vệ chống xâm hại của côn trùng, động vật gây hại.		

Tiêu chí	Đánh giá, chấm điểm	
	Điểm 0	Điểm 1
- Dụng cụ và chất tẩy rửa vệ sinh.		
- Trang thiết bị chắn lọc rác, mỡ.		
2.9 Trang thiết bị khác		
- Máy giặt, bàn là và cầu là (cho thuê).		
- Dụng cụ và trang thiết bị thể thao.		
- Tủ thuốc có một số thuốc sơ cứu còn hạn sử dụng.		
3 Dịch vụ và mức độ phục vụ		
3.1 Đón tiếp khách		
- Lễ tân và bảo vệ trực 24/24 h.		
3.2 Phục vụ lưu trú		
- Cung cấp dịch vụ dụng lều, bạt và các dụng cụ, trang thiết bị cần thiết cho lưu trú du lịch từ 6 h đến 20 h.		
- Vệ sinh hàng ngày		
- Thay ga, bọc đệm, vỏ chăn, vỏ gối, chiếu ba ngày/lần hoặc khi có khách mới.		
3.3 Phục vụ ăn uống		
- Phục vụ ăn uống từ 6 h đến 22 h.		
- Phục vụ món ăn, đồ uống dễ chế biến		
3.4 Thể thao, giải trí		
- Có hoạt động và cho thuê dụng cụ thể thao, giải trí.		
3.5 Dịch vụ khác		
- Trông giữ xe.		
- Nhận giữ tiền và đồ vật quý của khách.		
- Điện thoại.		
- Fax.		
- Dịch vụ cứu hộ đối với bãi cắm trại có thể thao nước.		
- Bán hàng tạp phẩm và hàng lưu niệm.		
4 Người quản lý và nhân viên phục vụ		
4.1 Người quản lý		
- Qua lớp tập huấn về quản lý lưu trú du lịch, an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm (trừ trường hợp có văn bằng, chứng chỉ chuyên ngành du lịch do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp).		

Tiêu chí	Đánh giá, chấm điểm	
	Điểm 0	Điểm 1
- Một năm kinh nghiệm trong ngành du lịch.		
4.2 Nhân viên phục vụ		
- 100% nhân viên trực tiếp phục vụ khách được tập huấn nghiệp vụ.		
- Trưởng lễ tân giao tiếp tốt một ngoại ngữ.		
- Trưởng các bộ phận dịch vụ giao tiếp cơ bản một ngoại ngữ trong phạm vi nghề.		
4.3 Sức khỏe		
- Có sức khỏe phù hợp với yêu cầu công việc, được kiểm tra sức khỏe định kỳ một năm/một lần (có giấy chứng nhận của y tế).		
4.4 Trang phục		
- Mặc trang phục đúng quy định, đeo phù hiệu tên trên áo.		
4.5 Chất lượng phục vụ		
- Đúng quy trình kỹ thuật nghiệp vụ.		
- Thái độ thân thiện.		
5 Bảo vệ môi trường, an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh an toàn thực phẩm		
- Thực hiện tốt các quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền (đánh giá đối với từng tiêu chí) về: + An ninh trật tự; + Phòng chống cháy nổ; + Phòng chống tệ nạn xã hội; + Chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm; + Vệ sinh môi trường bên trong; + Vệ sinh môi trường xung quanh; + Vệ sinh trang thiết bị; + Vệ sinh cá nhân.		